**NỘI DUNG TỰ HỌC NGỮ VĂN 10 TUẦN 16.3 ĐẾN 20.3.2020**

**TIẾT 1: TRUYỆN KIỀU (tt)**

**GV đã gửi nội dung học ở tuần 9.3 đến 14.3.2020**

**TIẾT 2: PHONG CÁCH NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT**

**Lưu ý: HS chép phần nội dung cần đạt và phần luyện tập vào vở bài học**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1.Kiến thức:** Nắm được các khái niệm: ngôn ngữ nghệ thuật, phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

**2.Kĩ năng:** Có kĩ năng phân tích và sử dụng ngôn ngữ theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

**3. Thái độ:** Yêu quý và biết giữ gìn vẻ đẹp của tiếng Việt.

**II. Nội dung cần đạt**

**I. Ngôn ngữ nghệ thuật:**

**1. Khái niệm**:

Ngôn ngữ nghệ thuật là ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm được dùng trong văn bản nghệ thuật.

**2. Phạm vi**:

- Văn bản nghệ thuật

- Lời nói hàng ngày

- Phong cách ngôn ngữ khác

**3. Phân loại**:

- Ngôn ngữ tự sự trong truyện, tiểu thuyết, bút kí, kí sự, phóng sự,…

- Ngôn ngữ thơ trong ca dao, vè, thơ,…

- Ngôn ngữ sân khấu trong kịch, chèo, tuồng…

**4. Chức năng**:

- Chức năng thông tin

- Chức năng thẩm mĩ.

**II. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật:**

**1. Tính hình tượng**:

-Người viết quan sát sự vật, sự việc, liên tưởng và tưởng tượng sáng tạo để tạo ra hình hượng mới gây ấn tượng mạnh mẽ.

- Biện pháp tu từ tạo hình tượng: so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nói giảm, nói tránh…

- Tác dụng: Làm cho ngôn ngữ nghệ thuật trở nên đa nghĩa, tính đa nghĩa quan hệ mật thiết với tính hàm súc .

**2. Tính truyền cảm**:

- Tính tryền cảm làm cho người nghe (đọc) cùng vui, buồn, yêu thích…tạo ra sự giao cảm , hòa đồng, gợi cảm xúc.

**3. Tính cá thể hóa**:

- Là khả năng sáng tạo giọng điệu riêng, phong cách riêng của mỗi nhà văn không dễ bắt chước.

- Thể hiện trong lời nói của từng nhân vật, trong diễn đạt từng sự việc, hình ảnh, tình huống…

**III. Luyện tập:**

**Bài 1**: so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nói giảm, nói tránh…

- Ví dụ: Ẩn dụ:

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng,

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”

🡪Mặt trời (1): mặt trời thiên nhiên🡪Mặt trời (2): bác Hồ: công lao của bác Hồ có ý nghĩa vô cùng lớn lao với người dân Việt Nam.

**Bài 2**: Tính hình tượng là đặc trưng tiêu biểu nhất của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật vì:

- Là phương tiện tái hiện cuộc sống thông qua chủ thể sáng tạo.

- Sự thu hút đầu tiên đối với người đọc. Là mục đích hướng tới của sáng tạo nghệ thuật.

**Bài 3**:

- “Canh cánh”: luôn thường trực trong lòng🡪hoán dụ: bác Hồ: nỗi nhớ luôn thường trực trong lòng.

- “Rắc”: vần trắc

- “Giết”: tội ác của giặc, thể hiện thái độ căm phẫn của người viết.

**Bài 4:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tác giả** | **Màu sắc** | **Gió thu** | **Lá thu** | **Nhịp điệu thơ** |
| **Nguyễn Khuyến** | Xanh ngắt | Hắt hiu | Lơ phơ | 4/3 |
| **Lưu Trọng Lư** | Vàng thu |  | Xào xạc | 3/2 |

**TIẾT 3: TRAO DUYÊN**

( Trích *Truyện Kiều* )

**-Nguyễn Du-**

**Lưu ý: HS chép phần NỘI DUNG CẦN ĐẠT vào vở bài học**

**I. Mục tiêu cần đạt: (Liên hệ giáo dục thực tiễn: lòng hy sinh, đức vị tha)**

**1. Về kiến thức:**

- Cảm nhận được vẻ đẹp phẩm chất của Thúy Kiều

- Hiểu được tình yêu son sắt, thủy chung của Thúy Kiều dành cho Kim Trọng và bi kịch của nàng khi phải “Trao duyên”.

- Nắm vững nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật và tài hoa trong việc sử dụng ngôn từ của Nguyễn Du.

**2. Về kĩ năng:**

- Kĩ năng đọc thơ lục bát.

- Kĩ năng phân tích tâm lý nhân vật.

**3. Về thái độ:**

- Cảm thông, chia sẻ trước bi kịch của Thúy Kiều.

- Hình thành quan niệm đúng đắn về tình yêu.

- Khâm phục tài năng của Đại thi hào Nguyễn Du từ đó thêm yêu ngôn ngữ tiếng Việt.

**II. NỘI DUNG CẦN ĐẠT**

**I.Tìm hiểu chung**

**1. Vị trí đoạn trích:**

- Truyện Kiều gồm 3 phần (Gặp gỡ; gia biến và lưu lạc; Đoàn tụ), đoạn trích thuộc phần 2: Gia biến và lưu lạc.

- Đoạn trích từ câu 723 đến câu 756 là lời Thúy Kiều nói cùng Thúy Vân.

**2. Bố cục đoạn trích:**

Đoạn trích được chia làm 3 phần

- Phần 1: 12 câu đầu: Thúy Kiều nhờ cậy và thuyết phục Thúy Vân trả nghĩa cho Kim Trọng.

- Phần 2: 14 câu tiếp theo: Thúy Kiều trao kỷ vật của mình với Kim Trọng cho Thúy Vân.

- Phần 3: Phần còn lại: Nỗi đau khổ tuyệt vọng khi tình yêu dang dở.

**II. Đọc – hiểu tác phẩm**

**1.Thúy Kiều nhờ cậy và thuyết phục Thúy Vân trả nghĩa cho Kim Trọng. (12 câu đầu)**

**a) Hai câu đầu:**

*“Cậy em, em có chịu lời,*

*Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.”*

- Ngôn ngữ của Kiều:

+ “Cậy”: Nhờ giúp đỡ và tin người khác sẽ giúp mình.

+ “Chịu lời”: Không chỉ là sự nhận lời mà nài ép khiến người nghe khó từ chối.

🡪 Cách sử dụng từ ngữ khôn khéoKiều chuẩn bị nhờ em một việc vô cùng thiêng liêng và khó xử.

- Hành động:

+ “Lạy: Trang nghiêm, hệ trọng

+ “Thưa”: Kính cẩn, tôn trọng

🡪 Khung cảnh trang trọng

+ Em “ngồi”, chị “lạy” Đối với Thúy Kiều, Thúy Vân lúc này là ân nhân của mình.

🡪 Thái độ khẩn khoản, thiết tha, xem việc trao duyên là hết sức quan trọng.

**b) 10 câu tiếp theo:**

- Nguyên nhân Thúy Kiều nhờ Thúy Vân trả nghĩa cho Kim Trọng:

+ Kiều khẳng định sự lỡ làng trong tình yêu của mình Giữa đường đứt gánh tương tư,/Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em.)

+ Mối tình giữa Thúy Kiều và Kim trọng là mối tình đẹp “quạt ước”, “chén thề”

+Gia biến đột ngột, bất ngờ, Thúy Kiều phải hi sinh tình yêu của mình để làm tròn chữ hiếu.

🡪Kiều nhắc lại mối tình và hoàn cảnh của mình, mong em hãy thông cảm và sẻ chia, đồng ý thay mình trả nghĩa cho Kim Trọng.

- Thúy Kiều thuyết phục Thúy Vân:

+ Tuổi tác: Thúy Vân còn trẻ, con đường phía trước còn dài.(Ngày xuân em hãy còn dài)

+ Huyết thống: tình cảm máu mủ ruột thịt, chỉ Thúy Vân mới có thể trả nghĩa cho Kim Trọng và Thúy Kiều chỉ tin tưởng mỗi Thúy Vân.(Xót tình máu mủ tháy lời nước non)

+ Thúy Vân mà nhận lời thì chị mới yên lòng(Chị dù thịt nát xương mòn/Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây).

🡪Lí lẽ hết sức thuyết phục, Thúy Kiều đặt trọn niềm tin ở Thúy Vân.

**2. Thúy Kiều trao kỷ vật của mình với Kim Trọng cho Thúy Vân (14 câu tiếp theo)**

-Trao lại cho Thùy Vân những kỷ vật thiêng liêng của mối tình với Kim Trọng: “Chiếc vành với bức tờ mây,...Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa”

- Lời Kiều chất chứa bao đau đớn, giằng xé, chua chát:“Duyên này thì giữ, vật này của chung”

🡪Tình cảm lấn át lý trí, mâu thuẫn với lý trí – vừa mong em thay thế mình, vừa muốn giữ riêng cho mình.

- Thúy Kiều dặn dò Thúy Vân:

“Mai sau dù có bao giờ,

.....

Rười xin giọt nước cho người thác oan”

+Thúy Kiều dặn em khi nào đốt lò hương, so phím đàn mà thấy hiu hiu gió thì hãy rưới cho chị những giọt nước để an ủi linh hồn chị.

+Từ ngữ, hình ảnh: hiu hiu gió, hồn, dạ đài, thác oan,...Đây là những từ ngữ hình ảnh nói về cái chết

🡪Ý thức rõ hơn về bi kịch, về tương lai mờ mịt, về những tháng ngày đen tối sắp tới trong cuộc đời của mình.

3: Nỗi đau khổ tuyệt vọng khi tình yêu dang dở (Phần còn lại).

- Từ cõi chết, từ tương lai mù mịt, Kiều quay lại với thực tại thảm khốc. Với nỗi đau mất mát không thể hàn gắn được, tất cả dở dang, đổ vỡ: “trâm gãy, gương tan, bạc như vôi, hoa trôi nước chảy…”

- Kiều nhận lỗi lầm về mình, tự cho rằng mình là người phụ bạc🡪Trong nỗi đau đớn tuyệt vọng, hình ảnh chàng Kim hiện lên trong niềm xót xa khôn nguôi.

- Trước nỗi đau không thể đè nén, Kiều kêu lên trong mê sảng:

*“Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang!*

*Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!”*

🡪 Câu thơ như một tiếng kêu thét, một lời gọi, lời than với tiếng nấc nghẹn ngào, diễn tả nỗi đau tuyệt vọng đã lên đến đỉnh điểm.

**III. Tổng kết**

**1. Nội dung**

- Đoạn trích thể hiện bi kịch tình yêu, thân phận bất hạnh và nhân cách cao đẹp của Thúy Kiều.

- Thể hiện sự đồng cảm của tác giả trước nỗi đau của nàng Kiều.

**2. Nghệ thuật**

- Tài năng miêu tả nội tâm nhân vật của Nguyễn Du.

- Nghệ thuật sử dụng từ ngữ điêu luyện, có sức gợi cảm

**ĐỌC THÊM: NỖI THƯƠNG MÌNH**

( Trích *Truyện Kiều* )

**-Nguyễn Du-**

**Lưu ý: HS chỉ đọc tham khảo, không chép vào vở**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Về kiến thức:**

Giúp HS nắm được:

- Hiểu và đồng cảm với tâm trạng đau đớn, tủi nhục, xót xa, tự thương mình , ý thức về nhân phẩm bị chà đạp của thúy kiều trong chốn thanh lâu và tiếng nói cảm thông, thương xót, trân trọng của tác giả đối với nhân vật.

- Giúp học sinh hiểu được nghệ thuật thể hiện nội tâm nhân vât, sử dụng ngôn từ của Nguyễn Du trong Truyện Kiều, nhất là trong đoạn trích.

**2. Về kĩ năng :**

- Củng cố kĩ năng đọc hiểu một đoạn thơ trữ tình.

- Rèn luyện kĩ năng phân tích những câu thơ hay.

**3. Về thái độ :**

- Cảm thông, yêu mến nhân cách của Kiều

**II. NỘI DUNG CẦN ĐẠT**

**I. Tìm hiểu chung :**

**1. Vị trí đoạn trích :** Từ câu 1229 đến 1248 trong “Truyện Kiều”

**2. Đại ý :** Miêu tả cảnh sống ô nhục của Thúy Kiều ở lầu xanh và nỗi niềm thương thân xót phận của Kiều.

3. Bố cục : 3 phần

- Phần 1 : 4 câu đầu : tình cảnh trớ trêu của Kiều.

- Phần 2 : 8 câu tiếp theo : tâm trạng và nỗi niềm của Kiều trong cảnh sống đời kĩ n .

- Phần 3 : Còn lại : tả cảnh để diễn tả tâm tình cô đơn, đau khổ của Kiều.

**II. Đọc - hiểu văn bản :**

**1. Nội dung :**

**a. Tình cảnh trớ trêu của Kiều :**

- Nghệ thuật : ước lệ, đối xứng : Bướm - ong, cuộc say – trận cười.

- Dùng điển cố, điển tích : Tống Ngọc , Trường Khanh 🡪 cuộc sống ở lầu xanh với những trận cười, cuộc say, khách làng chơi ra vào dập dìu, nhộn nhịp 🡪 cảnh sống xô bồ.

🡪 Kiều là người phụ nữ tài sắc vẹn toàn mà phải đem thân làm kĩ nữ. Sự cảm thông và trân trọng của Nguyễn Du đối với Thúy Kiều.

**b. Nỗi niềm và tâm trạng của Kiều trước cảnh sống ấy – đời kĩ nữ :**

- “Khi tỉnh rượu / lúc tàn canh

Giật mình / mình lại thương mình / xót xa”.

+ Nhịp chận, âm điệu buồn, nặng nề 🡪 sự thay đổi đột ngột bất thường 🡪 ý thức về nhân phẩm.

+ Tỉnh dậy khi đêm đã tàn canh, giật mình đối diện với chính mình. “Giật mình”: vừa là sự ý thức về nhân phẩm, vừa là nỗi thương thân xót phận.

+ Điệp từ : “mình” 🡪gợi lên sự cô đơn trước thời gian qua âm điệu nặng nề chua xót.

Phẩm chất cao quý của Kiều.

-… “Khi sao…

Giờ sao…

Mặt sao…bấy thân!”

+ Sử dụng câu hỏi tu từ, điệp từ, đối xứng.

+ Sự đối lập giữa hiện tại tủi nhục và quá khứ tươi đẹp 🡪 sự tiếc thương thân mình bị vùi đập và nỗi đau về sự thay đổi thân phận.

- “Mặc người ... là gì ?”

+ Sử dụng điển tích “mưa Sở mây Tần”

+ Cuộc sống đời kĩ nữ chỉ thấy nhục chứ không thấy hạnh phúc.

🡪 Ý thức về phẩm chất, Kiều cảm thấy cô đơn và thương cho thân phận của mình khi phải làm gái lầu xanh.

**c. Nỗi cô đơn, đau khổ đến tuyệt đỉnh của Kiều:**

- Cảnh vật đối với Kiều là giả tạo :

+ Ước lệ 🡪 gợi tả thiên nhiên, thời gian trôi dần, hết đêm lại đêm, Kiều hờ hững với khách làng chơi trong nỗi cô đơn, không ai chia sẽ.

“Đòi phen ... hoa kề

Nử rèm ... trăng thâu”.

+ Khái quát một quy luật của tâm lí, tả cảnh ngụ tình - ngoại cảnh là tâm cảnh của Kiều.

“Cảnh nào ... đeo sầu

Người buồn ... bao giờ”.

🡪 Nàng thơ thẩn với tất cả cảnh vật xung quanh.

- “Đòi phen ... với ai”.

+ Câu hỏi tu từ.

+ Điệp từ.

🡪 Thú vui cầm, kì, thi, họa với Kiều là vui gượng, cố tỏ ra vui mà không tìm được tri âm  Làm nổi bật sự cô đơn ở Kiều.

**2. Nghệ thuật :**

- Khai thác triệt để các hình thức đối xứng.

- Sử dụng ước lệ, điệp từ …

**3. Ý nghĩa văn bản :**

Nỗi xót xa, đau đớn của Kiều khi sống ở lầu xanh và sự ý thức cao về nhân phẩm của nàn .

**TIẾT 4: BÀI TẬP ĐỌC HIỂU**

**Yêu cầu: HS làm bài tập vào vở, GV kiểm tra tập**

1. **ĐỌC HIỂU**

**Đọc văn bản sau:**

*Một phù thuỷ*

*Mở quán hàng nho nhỏ*

*“Mời vào đây*

*Ai muốn mua gì cũng có!”*

*Tôi là khách đầu tiên*

*Từ bên trong Phù thuỷ ló ra nhìn:*

*“Anh muốn gì?”*

*“Tôi muốn mua tình yêu,*

*Mua hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn…”*

*“Hàng chúng tôi chỉ bán cây non*

*Còn quả chín, anh phải trồng. Không bán!”*

                             (QUÁN HÀNG PHÙ THỦY - K. Badjadjo Pradip – Thái Bá Tân dịch)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

Câu 1: Xác 02 phương thức biểu đạt của văn bản

Câu 2: Câu nói “Mời vào đây – Ai muốn mua gì cũng có!” cho thấy điều gì ở phù thuỷ?

Câu 3: Mong muốn của vị khách “Tôi muốn mua tình yêu – Mua hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn” cho thấy vị khách là người như thế nào?

Câu 4: Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm của phù thuỷ ở hai câu thơ cuối bài không? Vì sao?

1. **LÀM VĂN**

Hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ cho câu chủ đề sau: ***Trong cuộc sống không phải bất cứ điều gì cũng có thể mua bằng tiền***